



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Trụ sở chính: Lô 1, CN5 Cụm CN Ngọc Hồi – Thanh Trì – Hà Nội
VP giao dịch: Tầng 9, tháp Tây N 28 tầng làng quốc tế Thăng Long- Hà Nội

Website: www.nhuadonga.com.vn/ www.dag.com.vn

Tel: 84.4 3 6891 888 * Fax: 84.43 8613 410

Tel: 84.4 3 7342 888 * Fax: 84.43 7710789

E-mail: info@nhuadonga.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Quý III Năm 2014

HÀ NỘI, THÁNG 10- 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2014	1/1/2014
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		262,029,534,064	221,773,699,658
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6,354,315,984	11,202,471,790
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			0
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		208,748,454,383	163,242,977,554
1 Phải thu của khách hàng	131		33,040,917,937	15,563,415,990
2 Trả trước cho người bán	132		22,000,310,901	36,031,231,799
3 Phải thu nội bộ	133			0
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			0
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	155,536,567,058	113,477,671,278
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,829,341,513)	-1,829,341,513
IV Hàng tồn kho	140		45,621,550,654	45,919,474,730
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	45,621,550,654	45,919,474,730
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1,305,213,043	1,408,775,584
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151			0
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		184,671,398	177,342,950
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	178,449,340	176,745,341
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		942,092,305	1,054,687,293
Tài sản thiếu chờ xử lý	0			0
Tạm ứng				47,250,000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	0			1,007,437,293
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		133,909,228,045	126,966,032,006
I Các khoản phải thu dài hạn	210			0
II Tài sản cố định	220		29,392,559,031	24,583,645,872
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	6,879,998,281	8,071,290,674
- Nguyên giá	222		14,527,131,222	14,461,753,222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,647,132,941)	-6,390,462,548
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224			0
- Nguyên giá	225			0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			0
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	-	0
- Nguyên giá	228		387,972,800	387,972,800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(387,972,800)	-387,972,800
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.1	22,512,560,750	16,512,355,198
III Bất động sản đầu tư	240	V.8.2.	4,947,714,032	3,216,476,856
- Nguyên giá	241		5,214,306,300	3,421,783,900
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(266,592,268)	(205,307,044)
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		98,000,000,000	98,000,000,000
1 Đầu tư vào công ty con	251		98,000,000,000	98,000,000,000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			0
2.1 Đầu tư vào công ty liên kết	0			0
2.2 Vốn góp liên doanh	0			0
3 Đầu tư dài hạn khác	258			0

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

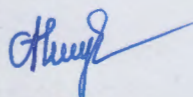
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

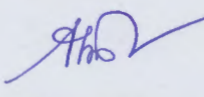
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			0
V Tài sản dài hạn khác	260		1,568,954,982	1,165,909,278
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	1,473,553,596	1,165,909,278
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			0
3 Tài sản dài hạn khác	268		95,401,386	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		395,938,762,109	348,739,731,664

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/9/2014	01/01/2014
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		252,911,978,531	209,320,341,906
I Nợ ngắn hạn		310		189,282,076,027 -	133,675,180,887
1 Vay và nợ ngắn hạn		311	V.10.	128,516,579,807	97,542,542,481
2 Phải trả người bán		312		29,791,213,688	17,925,102,764
3 Người mua trả tiền trước		313			-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.11.	273,977,627	679,263,922
5 Phải trả người lao động		315		316,888,361	357,570,925
6 Chi phí phải trả		316	V.12.	1,468,676,042	1,358,319,283
7 Phải trả nội bộ		317			-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD		318			-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác		319	V.13.	28,914,740,502	15,812,381,512
II Nợ dài hạn		330		63,629,902,504 -	75,645,161,019
1 Phải trả dài hạn người bán		331			-
2 Phải trả dài hạn nội bộ		332			-
- Phải trả giữa TCT và ĐV thành viên		0			-
- Phải trả giữa ĐV thành viên và ĐV trực thuộc		0			-
- Phải trả nội bộ khác		332			-
3 Phải trả dài hạn khác		333			30,000,000
4 Vay và nợ dài hạn		334	V.14.	63,629,902,504	75,549,265,292
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335			-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336			-
7 Doanh thu chưa thực hiện		338			65,895,727
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)		400		143,026,783,578	139,419,389,758
I Vốn chủ sở hữu		410		144,686,218,785	139,419,389,758
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.15.	137,500,000,000	137,500,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần		412		4,050,000,000	4,050,000,000
3 Vốn khác của chủ sở hữu		413			-
4 Cổ phiếu quỹ (*)		414		(210,000)	(210,000)
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		3,136,428,785	(2,130,400,242)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		(1,659,435,207)	-
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		431		(1,659,435,207)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		395,938,762,109	348,739,731,664

Người lập

Kế toán trưởng

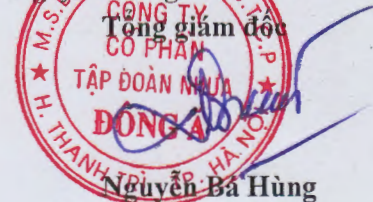




Nguyễn Thu Thủy

Phan Thị Lệ

Ngày 30 tháng 9 năm 2014



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III Năm 2014

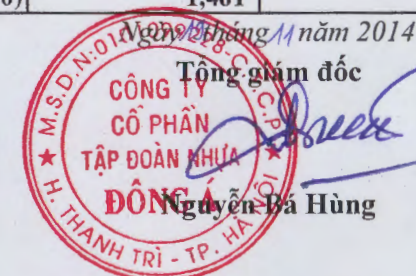
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III Năm 2014	Quý III Năm 2013	Luỹ kế năm 2014	Luỹ kế năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		43,061,377,269	49,866,399,494	126,887,978,772	155,467,228,931
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		43,061,377,269	49,866,399,494	126,887,978,772	155,467,228,931
4. Giá vốn hàng bán	11		42,527,416,191	49,256,729,250	124,718,266,081	152,457,911,765
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		533,961,078	609,670,244	2,169,712,691	3,009,317,166
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,022,573	3,832,384	25,641,599,270	21,149,265,801
7. Chi phí tài chính	22		236,860,716	110,845,799	921,921,615	451,618,478
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		236,860,716	110,845,799	921,921,615	448,869,538
8. Chi phí bán hàng	24		1,192,632,562	1,058,890,126	2,292,809,961	2,170,957,937
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,749,103,561	1,784,341,208	4,514,368,683	3,361,965,269
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(2,643,613,188)	(2,340,574,505)	20,082,211,702	18,174,041,283
11. Thu nhập khác	31			4,685,126	40,798,281	479,514,223
12. Chi phí khác	32		27,543,995	20,190	27,705,761	459,436,376
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(27,543,995)	4,664,936	13,092,520	20,077,847
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2,671,157,183)	(2,335,909,569)	20,095,304,222	18,194,119,130
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(2,671,157,183)	(2,335,909,569)	20,095,304,222	18,194,119,130
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI	(194)	(170)	1,461	1,323

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Lệ



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/07/2014 Đến ngày 30/09/2014

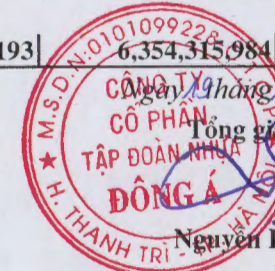
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III Năm 2014	Quý III Năm 2013	Lũy kế năm 2014	Lũy kế năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		64,810,605,336	24,979,146,286	122,460,440,257	128,455,772,130
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(37,971,724,776)	(42,447,891,906)	(115,342,265,063)	(141,299,688,258)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,029,432,521)	(968,266,462)	(3,174,041,533)	(3,062,350,982)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2,740,066,403)	(110,845,799)	(6,526,655,788)	(626,337,430)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05				0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20,670,051,828	151,953,121,524	21,944,537,560	265,637,251,516
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38,077,410,062)	(54,194,724,044)	(45,140,272,737)	(88,195,013,303)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,662,023,402	79,210,539,599	(25,778,257,304)	160,909,633,673
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(578,087,100)	(7,143,352,963)	(3,692,914,700)	(19,128,479,013)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			3,034,078	119,100	9,608,753
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	:			0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24				0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25				0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26				0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,022,573	3,832,384	1,887,573	16,591,542
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(577,064,527)	(7,136,486,501)	(3,690,908,027)	(19,102,278,718)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31				0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		0		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		90,912,241,100	53,678,364,591	245,533,659,299	253,863,652,629
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85,443,487,414)	(123,514,918,733)	(214,660,214,023)	(423,403,471,619)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(710,941,065)		(2,358,028,951)	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3,894,406,800)	(6,349,000,000)	(3,894,406,800)	(6,349,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		863,405,821	(76,185,554,142)	24,621,009,525	(175,888,818,990)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		5,948,364,696	(4,111,501,044)	(4,848,155,806)	(34,081,464,035)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		405,951,288	4,397,828,237	11,202,471,790	34,367,791,228
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		6,354,315,984	286,327,193	6,354,315,984	286,327,193

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Lụa



Ngày 1 tháng 10 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BÁ HÙNG

NGUYỄN BÁ HÙNG

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Cho Quý III năm 2014**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 22/12/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 08/05/2013;

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong ngành xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Gia công cơ khí;
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).

Trụ sở: Lô 1 – CN 5- Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

Tel: (04) 36891 888 Fax: (04) 36861 616

4. Các Công ty con

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ vốn góp	Địa chỉ	Số Giấy phép đăng ký kinh doanh
1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	100%	Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam	0101099228-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 08/08/2013
2	Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	100%	Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội	0102188015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/09/2013
3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	100%	Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh	41040011186 thay đổi lần 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/06/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2014

(tiếp theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính bằng phần mềm kế toán Effect. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quang Trung có thời gian đáo hạn nhỏ hơn 3 tháng.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**Cho Quý III năm 2014***(tiếp theo)*

Việc ghi nhận và phương pháp Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán tài sản cố định hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3 - 7,5
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý

Việc ghi nhận và phương pháp Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao T <năm></i>
Phần mềm kế toán Effect	4
Hệ thống quản lý ISO 9001	4

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2014

(tiếp theo)

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là khoản tiền gửi ngắn hạn vào Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quang Trung.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh có thời hạn thu hồi trên một năm được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính đối với những khoản vay dùng cho mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các khoản vay dài hạn dùng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản Công ty hạch toán phí lãi vay của những khoản vay này vào giá trị công trình xây dựng cơ bản tương ứng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh ;

Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần quá lớn cần phải phân bổ cho nhiều kỳ kế toán;

Lãi tiền vay trả trước;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được tính phân bổ dần vào chi phí kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng đã ký.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý III năm 2014

(tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính đối với những khoản vay dùng cho mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các khoản vay dài hạn dùng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản Công ty hạch chi toán phí lãi vay của những khoản vay này vào giá trị công trình xây dựng cơ bản tương ứng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa như : tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao; doanh thu sản phẩm nhựa UPVC, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng. Đối với khách hàng lẻ bán hàng qua điện thoại căn cứ vào Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận và Hoá đơn bán hàng đã xuất để hạch toán.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Cho Quý III năm 2014
(tiếp theo)

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 30/6/2014, Công ty đã thực hiện đối chiếu các khoản công nợ phải thu, phải trả đến từng đối tượng..

13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tài sản cố định mua sắm thì giá trị hạch toán là giá trị của tài sản mua vào theo hợp đồng, các chi phí có liên quan như chi phí thuế nhập khẩu (nếu có), chi phí vận chuyển và các chi phí khác.

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích kinh doanh, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

13.3 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 01 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 01 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các sản phẩm hàng hoá từ nhựa.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 55/GP - UB ngày 13/06/2006 của UBND Thành phố Hà Nội và chứng nhận ưu đãi đầu tư số 39/GCNUĐ ngày 30/03/2006 của chủ tịch UBND Tỉnh Hà Nam thì Công ty thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nhựa Đông Á tại Cụm công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội và tại Hà Nam nên phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh của hai dự án trên đang trong giai đoạn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Hai dự án trên hình thành nên hai công ty đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/04/2007 là Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Smartwindow việt nam.

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22% trên lợi nhuận chịu thuế đối với phần thu nhập của hoạt động chịu thuế.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 3 năm 2014

Công ty mẹ

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 3 năm 2014

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	30/09/2014	1/1/2014
1.1	Tiền		11,202,471,790
1.1	Tiền mặt tại quỹ	980,288,349	3,555,662
1.2	Tiền gửi Ngân hàng	5,374,027,635	11,198,916,128
	Tổng cộng	6,354,315,984	11,202,471,790
2.	Các khoản phải thu ngắn hạn khác		1/1/2014
	<i>Phải thu khác</i>	<i>155,536,567,058</i>	<i>113,477,671,278</i>
	Các công ty con thuộc tập đoàn	154,620,888,227	111,871,007,069
	Phải thu khác	915,678,831	1,606,664,209
	Tổng cộng	155,536,567,058	113,477,671,278
3.	Hàng tồn kho	30/09/2014	1/1/2014
3.4	<i>Thành phẩm tồn kho</i>		
	CPSP dở dang	3,340,088,366	102,107,816
	Hàng hoá	42,281,462,288	45,817,366,914
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	45,621,550,654	45,919,474,730
4.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1/1/2014
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	176,745,341	176,745,341
	Thuế GTGT	1,703,999	
	Thuế xuất nhập khẩu		-
	Tổng cộng	178,449,340	176,745,341
5.	Phải thu dài hạn khác		1/1/2014
			VND
6.	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình		

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 30/06/2014	-	13,321,677,729	1,140,075,493	14,461,753,222
- Mua trong năm	-			-
- Tăng khác	-		65,378,000	65,378,000
- Thanh lý, nhượng bán	-			-
- Giảm khác	-			-
Số dư ngày 30/9/2014	-	13,321,677,729	1,205,453,493	14,527,131,222
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 30/06/2014	-	6,467,754,602	761,214,630	7,228,969,232
- Khấu hao trong năm	-	355,032,285	63,131,424	418,163,709
- Thanh lý, nhượng bán	-		-	-
- Giảm khác	-			-
Số dư ngày 30/9/2014	-	6,822,786,887	824,346,054	7,647,132,941
Giá trị còn lại				
Tại ngày 30/06/2014	-	6,853,923,127	378,860,863	7,232,783,990
Số dư ngày 30/9/2014	-	6,498,890,842	381,107,439	6,879,998,281

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 3 năm 2014

Công ty mẹ

Mẫu số B 09 - DN

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Tổng cộng

Nguyên, giá

Số dư ngày 30/06/2014

387,972,800

407,819,466

- Mua trong năm

-

-

- Tăng khác

-

-

- Thanh lý, nhượng bán

-

-

- Giảm khác

-

-

Số dư ngày 30/9/2014

387,972,800

407,819,466

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư ngày 30/06/2014

387,972,800

407,819,466

- Khấu hao trong năm

-

-

- Tăng khác

-

-

- Thanh lý, nhượng bán

-

-

- Giảm khác

-

-

Số dư ngày 30/9/2014

387,972,800

407,819,466

Giá trị còn lại

Tại ngày 30/06/2014

-

Số dư ngày 30/9/2014

-

8.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

30/09/2014

1/1/2014

VND

VND

Mua sắm TSCĐ- Dự án KCN Hà Nam

1,677,860,140

1,677,860,140

Xây dựng cơ bản dở dang

20,834,700,610

14,834,495,058

Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Dự án Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam

1,792,522,400

1,792,522,400

Khu công nghiệp Hà Nam - Dự án Công ty TNHH Nhựa Đông Á

19,042,178,210

13,041,972,658

Tổng cộng

22,512,560,750

16,512,355,198

8.2 Bất động sản đầu tư

30/9/2014

1/1/2014

VND

VND

Số dư ngày 01/07/2014

3,421,783,900

3,421,783,900

Tăng trong kỳ

1,792,522,400

Số dư ngày 30/09/2014

5,214,306,300

205,307,044

Khấu hao 1/7/2014

239,524,888

- Khấu hao trong năm

27,067,380

Số dư ngày 30/9/2014

266,592,268

205,307,044

Giá trị còn lại

Số dư ngày 01/07/2014

3,182,259,012

3,216,476,856

Số dư ngày 30/9/2014

4,947,714,032

3,216,476,856

Tổng cộng

4,947,714,032

3,216,476,856

Bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng lô đất có diện tích 960m2 tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là: 3.421.783.900 VND được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm trong năm 2010 với mục đích chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư tăng lên là Quyền sử dụng lô đất có diện tích 480m2 tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là: 1 792 522 400 VND được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm trong năm 2009 với mục đích chờ tăng giá.

9. Chi phí trả trước dài hạn

30/09/2014

1/1/2014

VND

VND

Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

1,473,553,596

1,165,909,278

Chi phí thuê VP

-

Tổng cộng

1,473,553,596

1,165,909,278

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 3 năm 2014

Công ty mẹ

Mẫu số B 09 - DN

10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn	30/09/2014 VND	1/1/2014 VND
10.1 Vay ngắn hạn	128,516,579,807	97,542,542,481
Ngân hàng TMCP Quân đội	37,893,833,706	24,284,278,119
VND	37,893,833,706	24,284,278,119
USD	-	-
Ngân hàng Shinhanbank	5,115,305,144	9,977,838,666
VND	5,115,305,144	9,977,838,666
USD	-	-
Ngân hàng VP bank	13,001,074,852	-
VND	13,001,074,852	-
USD	-	-
Ngân hàng Ngoại thương	72,506,366,105	63,280,425,696
VND	72,506,366,105	63,280,425,696
USD	-	-
Tổng cộng	128,516,579,807	97,542,542,481
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/9/2014 VND	1/1/2014 VND
Thuế GTGT	-	41,305,923
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	41,305,923
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	273,977,627	637,958,009
Tổng cộng	273,977,627	679,263,932
12. Chi phí phải trả	30/9/2014 VND	1/1/2014 VND
Trích trước tiền điện thoại Mobifone, VPP, tiền điện, tiền thuê nhà	1,468,676,042	1,358,319,283
Trích trước chi phí nhập khẩu lô hàng	-	-
Tổng cộng	1,468,676,042	1,358,319,283
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/9/2014 VND	1/1/2014 VND
Kinh phí công đoàn	19,311,623	19,048,623
Bảo hiểm xã hội, BH Y tế	-	26,114,257
Bảo hiểm thất nghiệp	11,735,000	11,735,000
Các khoản phải trả, nộp khác	28,883,693,879	15,755,483,632
Nguyễn Bá Hùng	11,008,945,750	6,126,320,750
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	8,364,820,750	4,864,895,750
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	-	864,682,647
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	3,286,250,000	1,911,250,000
Phải trả, nộp khác	6,223,677,379	1,988,334,485
Tổng cộng	28,914,740,502	15,812,381,512
14. Vay và nợ dài hạn	30/9/2014 VND	1/1/2014 VND
Vay dài hạn	6,132,849,045	15,721,508,494
Ngân hàng Quân đội	6,132,849,045	15,721,508,494
VND	6,132,849,045	7,346,773,522
USD	-	8,374,734,972
Nợ dài hạn	3,997,053,459	6,327,428,798
Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương	3,997,053,459	6,327,428,798
Trái phiếu phát hành	53,500,000,000	53,500,000,000

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 3 năm 2014

Công ty mẹ

		Mẫu số B 09 - DN	
<i>Công ty liên doanh Shide Việt nam</i>		13,500,000,000	13,500,000,000
<i>Japan South East Asia Growth Fund L.P</i>		40,000,000,000	40,000,000,000
Tổng cộng		63,629,902,504	75,548,937,292
15. Vốn chủ sở hữu			
<i>Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		30/09/2014	1/1/2014
			VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát		34999250000	34,999,250,000
Nguyễn Bá Hùng		44074250000	44,074,250,000
Trần Văn Thái			
Công ty Tam Sơn		13750000000	13,750,000,000
Các cổ đông khác		44676500000	44,676,500,000
Tổng cộng		137,500,000,000	137,500,000,000
VI. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Quý III Năm 2014	Quý III Năm 2013
		VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2,671,157,183)	(2,335,909,569)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận			
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>			
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>			
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(194)	(170)
VII. Những thông tin khác			
1. Thông tin về các bên liên quan			
1.1 Giao dịch với các bên liên quan:		Quý III năm 2014	Quý III năm 2013
	Quan hệ với Công ty		
<i>Doanh thu</i>			
<i>Bán hàng</i>			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	cổ đông sáng lập	20,661,670,495	11,790,940,728
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con		2,987,298,431
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con		9,942,321,087
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Công ty con		
Cty Tam Sơn	cổ đông chiến lược		
Đối tượng khác			25,145,839,248
<i>Mua hàng</i>			
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	2,947,733,461	65,895,727
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	cổ đông sáng lập		
Cty Tam Sơn	cổ đông chiến lược	6,455,677,571	3,684,119,199
1.2 Số dư với các bên liên quan		Quý III năm 2014	Quý III năm 2013
	Quan hệ với Công ty		
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	cổ đông sáng lập	13,630,712,514	3,843,055,002
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	351,663,617	5,004,794,650
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	494,444,268	6,376,853,366
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Công ty con		
Các khoản phải trả			
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	1,372,451,004	(1,028,455,693)

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Địa chỉ: KCN Ngọc Hồi - xã Ngọc Hồi - huyện Thanh Trì - TP Hà Nội

Điện thoại: (04) 3689 1888 Fax: (04) 3686 1616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý 3 năm 2014

Công ty mẹ

Mẫu số B 09 - DN

Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát

Cty Tam Sơn

Công ty con

170,501,870

Công ty con

cổ đông sáng lập

1,414,430,733

cổ đông chiến lược

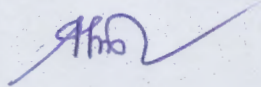
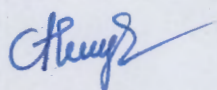
4,389,897,316

11,964,308,459

Ngày 19 tháng 11 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Phan Thị Lụa

